

Số: /BC-BNN-TCLN

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến về Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện quy trình soạn thảo văn bản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổng hợp các ý kiến tham gia góp ý Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ (ERPA). Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nghiêm túc nghiên cứu các ý kiến tham gia, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo Quyết định như sau:

I. TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA

Do việc chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính ERPA là nội dung mới, còn thiếu một số quy định chi tiết, cụ thể để áp dụng và triển khai, nên việc xin ý kiến của các bộ, ngành và địa phương được thực hiện qua hai bước.

Bước thứ nhất, tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của 04 Bộ liên quan và Ủy ban nhân dân (UBND) 06 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ (là những địa phương tham gia thực hiện thí điểm Quyết định này) về một số nội dung xây dựng Quyết định (chủ yếu về định hướng phương án xây dựng Quyết định) tại văn bản số 2757/BNN-TCLN ngày 13/5/2021. Kết quả đã nhận được 10/10 ý kiến của các Bộ và địa phương, gồm: Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thanh Hóa; Nghệ An; Hà Tĩnh; Quảng Bình; Quảng Trị; Thừa Thiên Huế.

Bước thứ hai, sau khi tiếp thu các ý kiến tham gia bước 1, Bộ Nông nghiệp và PTNT xây dựng dự thảo quyết định, tiếp tục tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ và địa phương về dự thảo Hồ sơ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 4239/BNN-TCLN ngày 07/7/2021. Đến nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nhận được 10/10 ý kiến góp ý bằng văn bản của các Bộ, địa phương, gồm: Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thanh Hóa; Nghệ An; Hà Tĩnh; Quảng Bình; Quảng Trị; Thừa Thiên Huế.

Báo cáo này trình bày về việc tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia góp ý (bước thứ hai) đối với Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính ERPA.

II. NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH

1. Về thẩm quyền ban hành văn bản

Có ý kiến đề nghị cần làm rõ cơ sở pháp lý của việc Thủ tướng Chính phủ ban hành văn bản cá biệt để thí điểm thực hiện ERPA (Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư). Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giải trình như sau:

- Khoản 2 Điều 30 Luật Tổ chức Chính phủ hiện hành quy định về thẩm quyền ban hành văn bản của Thủ tướng Chính phủ: "*2. Thủ tướng Chính phủ thay mặt Chính phủ ký các văn bản của Chính phủ; ban hành quyết định, chỉ thị và hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành các văn bản đó trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương.*". Quy định này cho thấy, ngoài việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, Thủ tướng Chính phủ còn có thẩm quyền ban hành các quyết định, trong đó có quyết định thí điểm.

- Điểm b khoản 2 Điều 5 (Trách nhiệm, phạm vi và cách thức giải quyết công việc của Thủ tướng Chính phủ) Nghị định số 138/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ ban hành quy chế làm việc của Chính phủ, quy định Thủ tướng Chính phủ "*quyết định thí điểm thực hiện cơ chế, chính sách đối với những vấn đề cần thiết theo quy định, làm cơ sở cho việc điều chỉnh hoặc ban hành cơ chế, chính sách mới*".

- Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định các trường hợp Quyết định của Thủ tướng Chính phủ không phải là văn bản quy phạm pháp luật, tại điểm e "*Các Quyết định khác không có nội dung quy định tại Điều 20 của Luật.*".

- Bộ Nông nghiệp và PTNT xác định nguồn thu từ ERPA là nguồn thu từ một loại dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) theo khoản 3 Điều 61 Luật Lâm nghiệp, nhưng là một loại DVMTR mới, chưa được quy định cụ thể về việc chuyển nhượng, cơ chế tiếp nhận, quản lý và sử dụng, cơ chế hưởng lợi nguồn thu này. Vì vậy, cần thí điểm, tổng kết, đánh giá làm cơ sở cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Khoản 3 Điều 61 Luật Lâm nghiệp năm 2017 đã quy định nguồn thu từ ERPA là nguồn thu từ một loại dịch vụ môi trường rừng (DVMTR), nhưng là một loại DVMTR mới, chưa được quy định cụ thể về việc chuyển nhượng, cơ chế tiếp nhận, quản lý và sử dụng, cơ chế hưởng lợi nguồn thu này. Vì vậy, cần thí điểm, tổng kết, đánh giá làm cơ sở cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Theo quy định tại khoản 11 Điều 139 (Tổ chức và phát triển thị trường các-bon) Luật Bảo vệ môi trường 2020, "*11. Chính phủ quy định chi tiết Điều này, chi phí phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính, lộ trình, thời điểm triển khai thị trường các-bon trong nước phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là*

thành viên.” - Nhiệm vụ này đã được Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh giao tại văn bản số 10365/VPCP-QHQT ngày 10/12/2020 của Văn phòng Chính phủ về việc báo cáo kết quả đàm phán, ký kết và đề xuất thực hiện Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ:

“1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp và các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ xây dựng, trình cấp có thẩm quyền quyết định về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ và quản lý tài chính Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ đã ký với Ngân hàng Tái thiết và Phát triển quốc tế (IBRD) thuộc Nhóm Ngân hàng Thế giới (WB), bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Lâm nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

2. Chủ trì hướng dẫn và phối hợp với các bộ, ngành và các tỉnh triển khai Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ.”

Vì vậy, Bộ Nông nghiệp và PTNT xây dựng dự thảo Quyết định trình Thủ tướng Chính phủ ban hành về thí điểm theo hình thức văn bản cá biệt, không phải văn bản quy phạm pháp luật, là có cơ sở pháp lý.

2. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Bộ tài chính đề nghị bỏ thời gian áp dụng “giai đoạn 2018-2025” vì đến nay là tháng 8/2021; đề nghị cân nhắc bỏ quy định “Quyết định này không áp dụng đối với tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài” để đảm bảo nguyên tắc không phân biệt đối xử.

Về thời gian áp dụng thí điểm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì ERPA đã ký giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và IBRD đã quy định việc xác định kết quả giảm phát thải cho giai đoạn 2018-2025 (điều này có lợi cho Việt Nam).

Về đề nghị cân nhắc bỏ quy định “*Quyết định này không áp dụng đối với tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài*”, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, chỉnh sửa tại Dự thảo của Quyết định.

3. Về định mức chi, thuế và phí

Bộ Tài chính đề nghị làm rõ cơ sở, căn cứ tính toán đưa ra các mức chi như dự thảo Quyết định; cần quy định rõ các định mức này; bỏ quy định đối với các định mức chi khác và đối với các nội dung chưa có định mức chi theo quy định của pháp luật cần báo cáo Thủ tướng Chính phủ, cấp có thẩm quyền quyết định. Đối với thuế và phí, đề nghị thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và bỏ nội dung “*không phải nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập*”.

Đối với định mức chi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giải trình như sau:

- Mức chi tại dự thảo nhằm khuyến khích người dân tích cực tham gia vào hoạt động thí điểm và phù hợp với các mức chi trong dự thảo Nghị định về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang trình Chính phủ. Việc sử dụng nguồn là nguồn thu về DVMTR, xác

định mức chi dựa trên cơ sở các quy định về chính sách chi trả DVMTR và vận dụng các chính sách hiện hành của nhà nước:

+ Đối với khoản bảo vệ rừng: Dự thảo quy định mức khoán tối thiểu bằng 1,5 lần mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng, tối đa không lớn hơn 2 lần mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng theo đối tượng nhận khoán trên cùng địa bàn cấp tỉnh. Cơ sở đề xuất: Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hiện nay cho khoán bảo vệ rừng từ 300.000 đến 400.000 đồng/ha. Nếu tăng lên 1,5 lần sẽ tương ứng là 450.000 - 600.000 đồng/ha. Tại dự thảo Nghị định về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp, ngân sách nhà nước cấp kinh phí cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư là 500.000 đồng/ha/năm. Mức tối đa là áp dụng theo quy định về chính sách chi trả DVMTR theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

+ Đối với hoạt động hỗ trợ phát triển sinh kế: dự thảo Quyết định quy định mức hỗ trợ 50 triệu đồng/cộng đồng/năm, như mức trong dự thảo Nghị định về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp. Hiện nay, mức hỗ trợ cộng đồng vùng đệm theo Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2011 - 2020 là 40 triệu đồng/cộng đồng/năm.

+ Đối với các định mức khác: Bộ Nông nghiệp và PTNT đề xuất trong dự thảo Quyết định là “thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước. Đối với các nội dung chưa được quy định và nội dung chưa có định mức chi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định trên cơ sở ý kiến đồng thuận của Bộ Tài chính”. Lý do: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất nguồn thu là nguồn thu DVMTR. Tuy nhiên, Bộ Tài Chính đề nghị bỏ nội dung này, đối với các nội dung chưa được quy định và nội dung chưa có định mức chi theo quy định của pháp luật cần báo cáo Thủ tướng Chính phủ, cấp có thẩm quyền quyết định. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng thành 02 phương án, đề xuất áp dụng theo phương án 1, trình Thủ tướng Chính phủ như sau:

Phương án 1 như trong dự thảo quyết định “Các định mức khác: thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước. Đối với các nội dung chưa được quy định và nội dung chưa có định mức chi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định trên cơ sở ý kiến đồng thuận của Bộ Tài chính.”

Phương án 2: “Các định mức khác: thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước. Đối với các nội dung chưa được quy định và nội dung chưa có định mức chi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.”

- Đối với quy định về thuế và phí, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu, đã điều chỉnh nội dung này tại khoản 4 Điều 4 dự thảo Quyết định.

4. Về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải

Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị cân nhắc việc sử dụng cụm từ “*thay mặt Nhà nước Việt Nam*”; điều chỉnh lại một số nội dung; bổ sung quy định đối với việc chuyển giao lại 95% lượng giảm phát thải ký kết và lượng bổ sung nếu có sau khi hoàn thành ERPA để thực hiện các cam kết trong Đóng góp do quốc

gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam; bổ sung thêm lựa chọn chuyển nhượng cho đối tác khác ngoài IBRD.

Bộ Tài chính đề nghị quy định “trường hợp Ngân hàng Tái thiết và Phát triển quốc tế muốn mua thêm lượng giảm phát thải, trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính, và Bộ Tài nguyên môi trường, đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định”; về thời gian chuyển nhượng, đề nghị quy định đảm bảo thời gian chuyển nhượng thực hiện theo Thỏa thuận ERPA (và trường hợp gia hạn, nếu có).

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và đã điều chỉnh, bổ sung tại Điều 5 của Dự thảo Quyết định.

5. Về các nội dung được chi trả

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị chỉ chi trả cho các hoạt động đóng góp cụ thể, trực tiếp cho việc bảo vệ, phát triển rừng, từ đó tạo ra kết quả giảm phát thải và các hoạt động giao dịch, trao đổi, thỏa thuận với IBRD; quản lý nguồn thu ERPA; đánh giá, kiểm tra, giám sát, thực hiện ERPA, v.v; Không chi trả cho các hoạt động tại các điểm a, c, d khoản 1 là các hoạt động tăng cường các điều kiện cần thiết để giảm phát thải.

Bộ Tài Chính đề nghị làm rõ căn cứ đưa ra các các hoạt động được chi trả, một số hoạt động là các nội dung chi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hằng năm, một số hoạt động thuộc trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (không phải nhiệm vụ của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng).

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giải trình như sau:

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng các nội dung được chi trả dựa trên sự đồng thuận của IBRD trong dự thảo Kế hoạch chia sẻ lợi ích, được thỏa thuận trong ERPA;

- Hoạt động về xây dựng chính sách chỉ là các hoạt động *hỗ trợ* liên quan đến giảm phát thải, không phải là chính sách chung. Hoạt động này không phải nhiệm vụ của Quỹ, Quỹ chỉ thực hiện quản lý về kinh phí, việc thực hiện theo kế hoạch được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.

- Như đề cập tại nội dung giải thích về các phương án dưới đây, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất phương án là quản lý nguồn thu từ ERPA là một loại DVMTR. Với tổng số tiền dự kiến thu được từ chuyển nhượng, sau khi trừ chi phí quản lý, bình quân 1 ha rừng tự nhiên chỉ được chia khoảng 90 nghìn đồng/ha/năm. Các hoạt động hỗ trợ là các hoạt động đóng góp vào việc tạo ra kết quả của dịch vụ là giảm phát thải theo Thỏa thuận ERPA. Để tạo ra kết quả giảm phát thải, bảo vệ môi trường, nhà nước vẫn phải đầu tư các chương trình dự án cũng như các chi phí để bảo vệ và phát triển rừng.

6. Về quản lý nguồn thu ERPA

Bộ Tài chính đề nghị ưu tiên thực hiện phương án quản lý tài chính theo hướng nộp toàn bộ nguồn thu từ ERPA vào ngân sách trung ương. Nếu thực hiện theo phương án của Bộ Nông nghiệp và PTNT đề xuất thì cần sửa đổi, bổ sung cơ chế tài chính Quỹ gắn với chính sách chi trả DVMTR quy định tại Nghị định

số 156/2018/NĐ-CP. Đề nghị có phương án so sánh cụ thể hai phương án này để Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị giữ nguyên phương án theo hướng nộp toàn bộ nguồn thu vào Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam, và giải trình như sau:

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh tại văn bản số 10365/VPCP-QHQT ngày 10/12/2020 của Văn phòng Chính phủ, trong đó giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn "*... xây dựng, trình cấp có thẩm quyền quyết định về thí điểm ..., bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Lâm nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan*".

Hiện nay, Luật Bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan không quy định về việc quản lý tài chính đối với trường hợp như ERPA (do FCPF chi trả qua IBRD). Trái lại, Luật Lâm nghiệp (2017) quy định rõ dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon rừng là một loại DVMTR (khoản 3 Điều 61). Vì vậy, triển khai ERPA theo Luật Lâm nghiệp là hướng đi phù hợp nhất.

Theo Luật Lâm nghiệp, nguồn thu ERPA là một loại DVMTR, nhưng là một loại DVMTR mới, chưa được quy định cụ thể về việc chuyển nhượng, cơ chế tiếp nhận, quản lý và sử dụng, cơ chế hưởng lợi nguồn thu này. Vì vậy, các nội dung này cần được xây dựng trong dự thảo quyết định thí điểm để có thể triển khai được Thỏa thuận, sau đó sẽ được đánh giá, tổng kết và quy định tại văn bản quy phạm pháp luật.

Ưu điểm của phương án này là căn cứ theo quy định của Luật Lâm nghiệp về loại dịch vụ. Bên cung ứng dịch vụ được hưởng lợi thêm từ dịch vụ, góp phần tăng thu nhập và hỗ trợ sinh kế cho người làm nghề rừng, nâng cao nhận thức và thúc đẩy xã hội hóa hoạt động bảo vệ và phát triển rừng, góp phần giải quyết các "điểm nóng" về bảo vệ rừng, nâng cao chất lượng rừng tự nhiên. Trong giai đoạn thí điểm tổ chức theo dõi riêng làm cơ sở cho việc giám sát, đánh giá của các bên liên quan về thực hiện thí điểm, làm căn cứ cơ sở để tổ chức triển khai thực hiện, nhân rộng, tiến tới cụ thể hóa chính sách trong thời gian tới.

Về việc sửa đổi chính sách chi trả DVMTR quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP gắn với cơ chế tài chính Quỹ bảo vệ và phát triển rừng: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu đưa các nội dung phù hợp quy định trong dự thảo Quyết định để triển khai ERPA (như tỷ lệ trích tại Quỹ Bảo vệ và PTR Việt Nam: Được trích tối đa 0,5% tổng số tiền thu được từ ERPA (như DVMTR) để chi cho các hoạt động quản lý và điều phối; tại Quỹ Bảo vệ và PTR cấp tỉnh: trích tối đa 10% tổng số tiền được điều phối (như DVMTR) để chi cho các nội dung về Hỗ trợ các hoạt động tăng cường các điều kiện cần thiết để giảm phát thải, các hoạt động quản lý điều phối). Trong quá trình thực hiện ERPA, cùng với việc đánh giá 10 năm thực hiện chính sách chi trả DVMTR, sẽ tiến hành tổng kết, đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

Về việc thực hiện theo phương án "*Nộp toàn bộ nguồn thu từ ERPA vào ngân sách trung ương*", Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận thấy, ưu điểm của phương án là không cần ban hành quyết định của Thủ tướng Chính

phủ về thí điểm. Tuy nhiên, hạn chế của phương án này là chưa có đủ cơ sở pháp lý để xác định là nguồn thu của ngân sách nhà nước; khi triển khai không xác định được kinh phí thực tế từ nguồn ERPA đã chỉ cho thỏa thuận, dẫn tới việc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không thực hiện được việc giám sát, báo cáo cho Bên Ủy thác (IBRD - WB) cũng như việc trực tiếp giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch đảm bảo an toàn và Kế hoạch chia sẻ lợi ích hằng năm của Bên ủy thác (Bên được ủy thác có quyền thuê một Bên thứ ba độc lập để tiến hành hoạt động giám sát riêng) như trong thỏa thuận ERPA mà Thủ tướng Chính phủ đã giao cho Bộ Nông nghiệp và PTNT ký với IBRD.

7. Về chia sẻ lợi ích từ ERPA

a) Về loại rừng và diện tích rừng được chi trả: một số địa phương (Nghệ An, Thanh Hóa) đề nghị ngoài rừng tự nhiên, nên bổ sung thêm rừng trồng thuộc quy hoạch rừng đặc dụng, phòng hộ.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Quyết định, trong giai đoạn thí điểm chỉ áp dụng đối với rừng tự nhiên vì rừng tự nhiên thuộc sở hữu nhà nước chiếm diện tích trên 70% diện tích rừng vùng Bắc Trung Bộ, là rừng chủ yếu để tạo ra kết quả giảm phát thải; và để đảm bảo không phát sinh khiếu kiện của các đối tượng sở hữu rừng trồng khi họ không phải là tổ chức nhà nước.

b) Bộ Tài chính có ý kiến: dự thảo Quyết định quy định một số mức trích trên tổng số tiền thu được từ ERPA chưa phù hợp với quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 15/11/2018; đề nghị làm rõ cơ sở quy định các mức trích tại Quỹ Trung ương, Quỹ cấp tỉnh, chủ rừng là tổ chức; do đây là khoản thu phát sinh đột xuất với mục tiêu hướng tới tăng cường nhận thức về lợi ích của việc chăm sóc, bảo vệ rừng, đề nghị phần lớn kinh phí phải được chuyển cho các tổ chức, cá nhân trực tiếp chăm sóc, bảo vệ rừng, giảm tối đa các khoản trích chi phí quản lý ở cấp trung gian.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị tập trung sử dụng nguồn thu từ ERPA cho hoạt động giúp trực tiếp các đối tượng quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, tạo ra kết quả giảm phát thải và cho hoạt động đánh giá, kiểm tra, giám sát, kiểm chứng kết quả thực hiện giảm phát thải.

Một số địa phương (Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa) có ý kiến đề nghị làm rõ hơn về tỷ lệ chia sẻ lợi ích; đối với chủ rừng đề nghị thực hiện theo chính sách chi trả DVMTR theo quy định tại khoản 3 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, theo đó: Chủ rừng là các doanh nghiệp: toàn bộ số tiền DVMTR nhận được là nguồn thu của doanh nghiệp, được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về tài chính đối với doanh nghiệp; Chủ rừng là tổ chức (không phải là doanh nghiệp) không khoán bảo vệ rừng hoặc khoán một phần diện tích, toàn bộ số tiền nhận được tương ứng với diện tích rừng tự bảo vệ được sử dụng cho các hoạt động phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng của chủ rừng. Trường hợp khoán được trích 10% tổng số tiền DVMTR chi trả cho diện tích rừng khoán bảo vệ.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu, đã điều chỉnh, làm rõ các mức chi, nội dung chi phù hợp với quy định của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP về chính sách chi trả DVMTR. Cụ thể như sau:

- Tại Trung ương, đã làm rõ mức trích cho các hoạt động quản lý và điều phối là tối đa 0,5% như quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; làm rõ mức trích tối đa 7,5% cho các hoạt động thực hiện ERPA ở cấp trung ương (các hoạt động mang tính đặc thù như: đo đạc, báo cáo, kiểm chứng lượng giảm phát thải; hỗ trợ các hoạt động tăng cường các điều kiện cần thiết để giảm phát thải...). Mức trích cụ thể do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định. Bộ quy định về trích dự phòng 2%, điều phối trực tiếp cho các địa phương.

- Tại địa phương, Quỹ tỉnh được điều chỉnh thành “Được trích tối đa 10% tổng số tiền được điều phối...” như quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

- Về tỷ lệ trích và sử dụng kinh phí tại chủ rừng là tổ chức: Theo dự thảo quyết định, tất cả các chủ rừng là tổ chức sau khi được trích kinh phí quản lý 10%, phần còn lại không phải là nguồn thu của chủ rừng (như chi trả DVMTR), chủ rừng đều phải thực hiện các hoạt động về quản lý rừng có sự tham gia và chi trả cho các hoạt động đóng góp vào kết quả giảm phát thải, là các hoạt động liên quan đến biện pháp lâm sinh. Nội dung chi này khác với chi trả DVMTR, là các hoạt động đặc thù của chi trả giảm phát thải, được phía IBRD/WB đã đồng thuận trong dự thảo Kế hoạch chia sẻ lợi ích trước khi ký ERPA. Mục đích là để ưu tiên chia sẻ lợi ích cho cộng đồng, tăng cường hỗ trợ cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng, tạo công ăn việc làm, cải thiện sinh kế, gián tiếp không gây mất rừng. Tỷ lệ chi cho hoạt động này tương đương với mức chi đã dự kiến tại dự thảo Kế hoạch chia sẻ lợi ích là tài liệu đề ký ERPA. Tiếp thu và điều chỉnh mức trích tối đa 2% cho UBND xã, mức cụ thể sẽ do chủ rừng thỏa thuận với UBND xã trong Thỏa thuận quản lý rừng có sự tham gia. Các ý kiến khác và các ý kiến tại mục II của văn bản này được trình bày chi tiết trong bảng tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, ngành, địa phương.

(Chi tiết ý kiến tiếp thu, giải trình có bảng kèm theo)

Trên đây là tổng hợp báo cáo tiếp thu, giải trình của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với ý kiến của các Bộ, ngành và địa phương về dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Phó TTg Phạm Bình Minh (để b/c);
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, TCLN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Quốc Doanh

Phụ lục

BẢNG TỔNG HỢP TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**Tham gia góp ý về Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ***(Kèm theo Báo cáo số /BC-BNN-TCLN, ngày / /2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
A	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH			
I	GÓP Ý CHUNG			
1	Về thể thức và thẩm quyền ban hành Quyết định	<p>- Đề nghị làm rõ cơ sở pháp lý của việc ban hành văn bản cá biệt để thí điểm, nếu không có cơ sở pháp lý phù hợp thì Quý Bộ cần nghiên cứu khả năng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật nếu văn bản này đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 2 và khoản 1 Điều 3 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).</p> <p>Vì: Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) không giao thẩm quyền ban hành văn bản thí điểm cho Thủ tướng Chính phủ. Ngoài ra, đối với quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành ở hình thức văn bản quy phạm pháp luật thì theo Điều 20 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) cũng không có trường hợp quy định</p>	Bộ Tư pháp, văn bản số 2786/BTP-PLQT ngày 17/8/2021	<p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng dự thảo Quyết định trình Thủ tướng Chính phủ ban hành về thí điểm theo hình thức văn bản cá biệt, không phải văn bản quy phạm pháp luật, dựa trên cơ sở:</p> <p>- Quy định tại Điều 30 Luật Tổ chức Chính phủ hiện hành tại Khoản 2 quy định về thẩm quyền ban hành văn bản của Thủ tướng Chính phủ quy định: "2. Thủ tướng Chính phủ thay mặt Chính phủ ký các văn bản của Chính phủ; ban hành quyết định, chỉ thị và hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành các văn bản đó trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương." tại quy định này cho thấy Thủ tướng ngoài ban hành văn bản pháp luật theo thẩm quyền (quy định tại khoản 1 dự thảo Quyết định này chính là việc thực hiện thí điểm quy định tại khoản 3 Điều 61 Luật Lâm nghiệp 2017</p> <p>- Quy định tại khoản 11 Điều 139 (Tổ chức và phát</p>

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		<p>những nội dung thí điểm. Tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020) đã quy định các trường hợp Quyết định của Thủ tướng Chính phủ không phải là văn bản quy phạm pháp luật (như phê duyệt chiến lược, chương trình, đề án, dự án, kế hoạch; giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội cho cơ quan, đơn vị; khen thưởng, kỷ luật, điều động công tác...). Có thể thấy những Quyết định này chỉ áp dụng một lần cho một hoặc một số đối tượng cụ thể. Tuy nhiên, nội dung tại dự thảo Quyết định không có đặc điểm như vậy.</p> <p>- Đề nghị rà soát căn cứ pháp lý về cấp có thẩm quyền quyết định thí điểm, theo đó đề nghị thực hiện thủ tục ban hành tương ứng văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định hiện hành.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư, văn bản số 5175/BKHĐT-KTĐN ngày 6/8/2021</p>	<p>triển thị trường các-bon) Luật Bảo vệ môi trường 2020, “11. Chính phủ quy định chi tiết Điều này, chi phí phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính, lộ trình, thời điểm triển khai thị trường các-bon trong nước phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.”</p> <p>- Tại điểm b khoản 2 Điều 5 (Trách nhiệm, phạm vi và cách thức giải quyết công việc của Thủ tướng Chính phủ) Nghị định số 138/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ ban hành quy chế làm việc của Chính phủ, quy định Thủ tướng Chính phủ “quyết định thí điểm thực hiện cơ chế, chính sách đối với những vấn đề cần thiết theo quy định, làm cơ sở cho việc điều chỉnh hoặc ban hành cơ chế, chính sách mới”.</p> <p>- Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định các trường hợp Quyết định của Thủ tướng Chính phủ không phải là văn bản quy phạm pháp luật, tại điểm e “Các Quyết định khác không có nội dung quy định tại Điều 20 của Luật.”.</p> <p>- Bộ Nông nghiệp và PTNT xác định nguồn thu từ ERPA là nguồn thu từ một loại dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) theo khoản 3 Điều 61 Luật Lâm nghiệp, nhưng là một loại DVMTR mới, chưa được</p>

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
				<p>quy định cụ thể về việc chuyển nhượng, cơ chế tiếp nhận, quản lý và sử dụng, cơ chế hưởng lợi nguồn thu này. Vì vậy, cần thí điểm, tổng kết, đánh giá làm cơ sở cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Nhiệm vụ này đã được Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh giao tại văn bản số 10365/VPCP-QHQT ngày 10/12/2020 của Văn phòng Chính phủ về việc báo cáo kết quả đàm phán, ký kết và đề xuất thực hiện ERPA:</p> <p><i>“1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp và các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ xây dựng, trình cấp có thẩm quyền quyết định về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ và quản lý tài chính Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ đã ký với Ngân hàng Tái thiết và Phát triển quốc tế (IBRD) thuộc Nhóm Ngân hàng Thế giới (WB), bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Lâm nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.</i></p> <p><i>2. Chủ trì hướng dẫn và phối hợp với các bộ, ngành và các tỉnh triển khai Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ.”</i></p> <p>Vì vậy, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng dự thảo Quyết định trình Thủ tướng Chính phủ ban hành về thí điểm theo hình thức văn bản cá biệt, không phải văn bản quy phạm pháp luật, là có cơ sở pháp lý.</p>

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
2	Về quản lý nguồn thu từ ERPA	<p>Bộ tài chính tại văn bản số 7568/BTC-PC ngày 12/7/2021 về một số nội dung xây dựng Quyết định (theo nội dung gửi xin ý kiến lần 1), đề xuất 02 phương án:</p> <p>- Phương án 1: Nộp toàn bộ nguồn thu từ ERPA vào ngân sách trung ương. Việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí để thực hiện các nhóm hoạt động đã cam kết theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Ngân sách trung ương sẽ ưu tiên bố trí kinh phí cho các tỉnh Bắc Trung Bộ (các tỉnh thuộc ERPA) thông qua việc phân bổ kinh phí thực hiện một số Chương trình có phạm vi quốc gia như Chương trình mục tiêu quốc gia, hoặc Chương trình đầu tư công Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025”</p> <p>- Phương án 2: Thực hiện theo phương án đề xuất của Bộ Nông nghiệp và PTNT, tức là nộp toàn bộ vào Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam. Việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí để thực hiện các nhóm hoạt động đã cam kết theo cơ chế tài chính của Quỹ như các khoản thu tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng khác, không bị ràng buộc bởi quy định pháp luật về ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, Bộ Tài chính kiến nghị sửa đổi, bổ sung cơ chế tài chính hiện nay (Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)</p> <p>- Đề nghị làm rõ ưu nhược điểm của 02 phương</p>	<p>Bộ Tài chính, văn bản số 7568/BTC-PC ngày 12/7/2021 và văn bản số 9735/BTC-PC ngày 25/8/2021</p>	<p>Bộ Nông nghiệp và PTNT đề xuất phương án 2, thực hiện dựa trên nền chính sách chi trả DVMTR là phương án xây dựng dự thảo Quyết định, do nguồn thu từ ERPA là nguồn thu từ một loại DVMTR được quy định tại khoản 3 Điều 61 Luật Lâm nghiệp.</p> <p>- Về sửa đổi chính sách chi trả DVMTR quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP gắn với cơ chế tài chính Quỹ bảo vệ và phát triển rừng: Bộ Nông nghiệp và PTNT tiếp thu các nội dung phù hợp quy định trong dự thảo Quyết định để triển khai ERPA (như tỷ lệ trích tại Quỹ Bảo vệ và PTR Việt Nam: Được trích tối đa 0,5% tổng số tiền thu được từ ERPA để chi cho các hoạt động quản lý và điều phối; tại Quỹ Bảo vệ và PTR cấp tỉnh: trích tối đa 10% tổng số tiền được điều phối để chi cho các nội dung về Hỗ trợ các hoạt động tăng cường các điều kiện cần thiết để giảm phát thải, các hoạt động quản lý điều phối), cũng như trong việc đánh giá chính sách chi trả DVMTR nói chung và việc gắn với hệ thống quỹ bảo vệ và phát triển rừng trung ương và địa phương nói riêng (hiện đang tiến hành đánh giá tổng kết 10 thực hiện chính sách chi trả DVMTR).</p> <p>- Về phương án lựa chọn, Bộ Nông nghiệp và PTNT lựa chọn phương án 2 với lý do như sau:</p> <p>+ Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh tại văn bản số 10365/VPCP-QHQT ngày</p>

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		<p>án. Bộ Tài chính đề xuất ưu tiên thực hiện phương án 1. Trường hợp không thực hiện theo phương án 1, đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT báo cáo rõ lý do để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.</p> <p>Đồng thời đề nghị tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính về việc sửa đổi cơ chế tài chính của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng theo hướng: “Hàng năm, căn cứ đánh giá khả năng thực hiện năm trước, dự báo năm sau, Quỹ lập kế hoạch thu chi, chi tiết từng nhiệm vụ gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT. Bộ Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch thu chi của Quỹ để làm căn cứ thực hiện cùng với thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.</p> <p>- Sửa đổi cơ chế tài chính của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng theo hướng: “Hàng năm, căn cứ đánh giá khả năng thực hiện năm trước, dự báo năm sau, Quỹ lập kế hoạch thu chi, chi tiết từng nhiệm vụ gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch thu chi của Quỹ để làm căn cứ thực hiện cùng với thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.</p>		<p>10/12/2020 của Văn phòng Chính phủ, trong đó giao Bộ Nông nghiệp và PTNT "... xây dựng, trình cấp có thẩm quyền quyết định về thí điểm ..., bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Lâm nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan".</p> <p>+ Hiện nay, Luật Bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan không quy định về việc quản lý tài chính đối với trường hợp như ERPA (do FCPF chi trả qua IBRD). Trái lại, Luật Lâm nghiệp (2017) quy định rõ dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon rừng là một loại DVMTR (khoản 3 Điều 61). Vì vậy, triển khai ERPA theo Luật Lâm nghiệp là hướng đi phù hợp nhất.</p> <p>+ Theo Luật Lâm nghiệp, nguồn thu là một loại DVMTR, nhưng là một loại DVMTR mới, chưa được quy định cụ thể về việc chuyển nhượng, cơ chế tiếp nhận, quản lý và sử dụng, cơ chế hưởng lợi nguồn thu này. Vì vậy, các nội dung này cần được xây dựng trong dự thảo quyết định để có thể triển khai được Thỏa thuận.</p> <p>Ưu điểm của phương án là căn cứ theo quy định của Luật Lâm nghiệp về loại dịch vụ. Bên cung ứng dịch vụ được hưởng lợi thêm từ từ dịch vụ, góp phần tăng thu nhập và hỗ trợ sinh kế cho người làm nghề rừng, nâng cao nhận thức và thúc đẩy xã hội hóa hoạt động bảo vệ và phát triển rừng, góp phần giải quyết các “điểm nóng” về bảo vệ rừng, nâng cao chất lượng rừng tự nhiên. Trong giai đoạn thí điểm tổ chức theo</p>

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
				<p>dôi riêng làm cơ sở cho việc giám sát, đánh giá của các bên liên quan về thực hiện thí điểm, làm căn cứ cơ sở để tổ chức triển khai thực hiện, nhân rộng, tiến tới cụ thể hóa chính sách trong thời gian tới.</p> <p>Hạn chế của phương án: Sau kết thúc thí điểm (có thể sau 2025), nếu không còn khách hàng nhận chuyển nhượng và chưa hình thành thị trường giám phát thải, có thể không còn nguồn thu từ chi trả giám phát thải để chi trả đến người bảo vệ rừng. Vì vậy việc tuyên truyền phổ biến chính sách tới người hưởng lợi cần được quan tâm trong quá trình triển khai.</p> <p>+ Trường hợp theo phương án 1, toàn bộ nguồn thu từ ERPA nộp vào ngân sách nhà nước. Ưu điểm của phương án là không cần ban hành quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm. Hạn chế của phương án là chưa có đủ cơ sở xác định là nguồn thu của ngân sách nhà nước; khi triển khai không xác định được kinh phí thực tế từ nguồn ERPA đã chi cho thỏa thuận, dẫn tới việc Bộ Nông nghiệp và PTNT không thực hiện được việc giám sát, báo cáo cho Bên Ủy thác là IBRD - WB cũng như việc trực tiếp giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch đảm bảo an toàn và Kế hoạch chia sẻ lợi ích hằng năm của Bên ủy thác. Bên được ủy thác có quyền thuê một Bên thứ ba độc lập để tiến hành hoạt động giám sát riêng (theo thỏa thuận trong ERPA tại Điều 7 (nhánh A, nhánh B)).</p>

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
3	Một số nội dung chung khác	Đề nghị điều chỉnh tên Quyết định thành: “Quyết định thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính từ Thỏa thuận chi trả giảm phát thải rừng Bắc Trung Bộ”	Sở NN&PTNT Nghệ An văn bản số 2996/SNN-KHTC ngày 18/8/2021	Đề nghị giữ nguyên tên như dự thảo vẫn đảm bảo đủ ý.
		Đề nghị bổ sung một điều về quyền và trách nhiệm của Chủ rừng trong việc tham gia chuyển nhượng kết quả GPT và quản lý tài chính Thỏa thuận chi trả giảm phát thải (ERPA); xác định cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của Chủ rừng trong trường hợp Chủ rừng là tổ chức không do Nhà nước thành lập như doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế khác...	Bộ KH&ĐT, văn bản số 5175/BKHĐT-KTĐN ngày 6/8/2021	- Về quyền và trách nhiệm của Chủ rừng: Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, do chính sách của nhà nước hiện nay là đóng cửa rừng tự nhiên; chủ rừng được hưởng lợi từ chính sách cũng tương tự như đối với chính sách chi trả DVMTR. Thêm vào đó, chủ rừng thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Lâm nghiệp. Vì vậy không nhất thiết phải quy định quyền và trách nhiệm của Chủ rừng. - Về xác định cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của Chủ rừng: tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo thành “ <i>cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về tài chính phù hợp với loại hình tổ chức của chủ rừng</i> ”
		Quá trình thực hiện việc thí điểm chi trả, đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT, Tổng cục Lâm nghiệp có hướng dẫn cụ thể (<i>kết hợp với việc tập huấn, trao đổi</i>) để các địa phương thuận lợi hơn trong việc thực hiện tại địa bàn.	Sở NN&PTNT tỉnh Hà Tĩnh, văn bản số 1615/SNN-KL ngày 22/7/2021	Quá trình thực hiện việc thí điểm, các địa phương sẽ thực hiện theo nội dung hoạt động của Quyết định, trong đó đã có các hoạt động đào tạo, tập huấn, tuyên truyền... quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 7
II	GÓP Ý CỤ THỂ			

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
1	Điều 1	Đề nghị bỏ phần “giai đoạn 2018 - 2025”. Trường hợp vẫn giữ nội dung này, đề nghị giải trình rõ cơ sở, căn cứ pháp lý đề xuất phạm vi điều chỉnh việc thí điểm chuyên nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính Thỏa thuận trong giai đoạn 2018-2025, trong khi nay đã là tháng 8/2021, dự thảo Quyết định chưa ban hành.	Bộ Tài chính, văn bản số 9735/BTC-PC ngày 25/8/2021	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Quyết định, vì ERPA đã ký giữa Bộ NN&PTNT và WB đã quy định cho giai đoạn 2018-2025, tính cả thời gian tạo ra kết quả giảm phát thải, giai đoạn 1 là 2018-2019
2	Điều 2	Khoản 1: Đề nghị điều chỉnh thành: “Đối tượng rừng: kết quả giảm phát thải được xác định từ rừng tự nhiên; rừng trồng thuộc quy hoạch rừng đặc dụng, phòng hộ”	Sở NN&PTNT Nghệ An văn bản số 2996/SNN-KHTC ngày 18/8/2021	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, trong giai đoạn thí điểm chỉ quy định với đối tượng rừng tự nhiên là rừng thuộc sở hữu nhà nước. Rừng trồng thuộc quy hoạch rừng đặc dụng, phòng hộ cũng có thể có là của các tổ chức, cá nhân không thuộc sở hữu nhà nước. Để đảm bảo không phát sinh khiếu kiện của các đối tượng sở hữu loại rừng trồng này, trong giai đoạn thí điểm chưa bao gồm loại rừng này.
		Dự thảo quy định: “ <i>Quyết định này không áp dụng đối với tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài</i> ”, đề nghị cân nhắc bỏ quy định này để đảm bảo nguyên tắc không phân biệt đối xử.	Bộ Tài chính, văn bản số 9735/BTC-PC ngày 25/8/2021	Tiếp thu và đã điều chỉnh lại nội dung dự thảo Quyết định, bỏ khoản 5 điều 2.
		Khoản 2: Đề nghị thay thế “Đối tượng hưởng lợi” bằng “Đối tượng được hưởng chi trả từ chuyên nhượng kết quả giảm phát thải”. Khoản 3: Đề nghị thay thế “Quyết định này không áp dụng đối với tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài” bằng “Quyết định này không áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có vốn đầu tư	Bộ KH&ĐT, văn bản số 5175/BKHĐT-KTĐN ngày - 6/8/2021	Tiếp thu và điều chỉnh lại Điều 2.

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		nước ngoài”		
		<p>- Tại điểm b, khoản 2, Điều 2: Đề nghị xem xét, bổ sung thêm đối tượng rừng trồng phòng hộ, đặc dụng.</p> <p>- Tại điểm d, khoản 2, Điều 2: Đề nghị bổ sung thêm đối tượng hưởng lợi là <i>“hộ gia đình, cá nhân nhận có hợp đồng khoán bảo vệ rừng với các chủ rừng là tổ chức do Nhà nước thành lập”</i>.</p>	Sở NN&PTNT tỉnh Thanh Hóa, văn bản số 3154/SNN&PT NT-CCKL ngày 22/7/2021	<p>- Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Quyết định, không bổ sung đối tượng hưởng lợi là chủ rừng trồng phòng hộ, đặc dụng; ưu tiên cho rừng tự nhiên.</p> <p>- Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Quyết định, các đối tượng này sẽ hưởng lợi thông qua Cộng đồng tham gia cơ chế quản lý rừng có sự tham gia.</p>
		Tại điểm d, Khoản 2, Điều 2 bổ sung cụm từ <i>“tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nhận khoán”</i> sau cụm từ <i>“cộng đồng dân cư”</i> .	Sở NN&PTNT tỉnh Hà Tĩnh, văn bản số 1615/SNN-KL ngày 22/7/2021	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Quyết định, vì đối tượng này sẽ hưởng lợi theo cộng đồng tham gia hoạt động quản lý rừng có sự tham gia.
3	Điều 3	Dự thảo quy định: <i>“Thỏa thuận quản lý rừng có sự tham gia là văn bản được ký giữa chủ rừng là tổ chức và cộng đồng dân cư tham gia hoạt động quản lý rừng”</i> . Tuy nhiên, theo Mẫu số 04/PL01 - Phụ lục 01 ban hành kèm theo dự thảo Quyết định, thỏa thuận quản lý rừng có sự tham gia là sự ký kết giữa ba bên: Chủ rừng, cộng đồng dân cư và UBND cấp xã có cộng đồng dân cư tham gia hoạt động quản lý rừng. Do đó, đề nghị chỉnh sửa thành <i>“Thỏa thuận quản lý rừng có sự tham gia là văn bản được ký giữa chủ rừng là tổ chức, cộng đồng dân cư và UBND cấp xã có cộng đồng dân cư tham gia</i>	Sở NN&PTNT tỉnh Thanh Hóa, văn bản số 3154/SNN&PT NT-CCKL ngày 22/7/2021	Tiếp thu và điều chỉnh lại nội dung.

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		<i>hoạt động quản lý rừng ...”</i>		
4	Điều 4	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm a khoản 2: Đề nghị điều chỉnh thành: Nguồn thu từ ERPA là nguồn thu dịch vụ môi trường rừng theo..... tại Quyết định này. Trường hợp cần hướng dẫn bổ sung thêm thì Bộ nông nghiệp và PTNT ban hành chỉ đạo thực hiện. - Điểm b khoản 2: Đề nghị điều chỉnh thành: Thực hiện chi trả bằng tiền Việt Nam đồng, ...của ngân hàng phục vụ tại thời điểm Quỹ Trung ương điều phối cho Quỹ tỉnh - Điểm b khoản 3: Đề nghị điều chỉnh thành: Đối với mức hỗ trợ : mức hỗ trợ tối đa 100.000.000 đồng/cộng đồng/năm - Khoản 2: Đề nghị bổ sung thêm điểm c) Bảo đảm công khai, dân chủ, khách quan, công bằng; phù hợp với pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên - Điểm a khoản 3: Đề nghị điều chỉnh thành: Đối với khoản bảo vệ rừng: ... Mức khoán tối thiểu bằng 2 lần 	Sở NN&PTNT Nghệ An văn bản số 2996/SNN-KHTC ngày 18/8/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu và điều chỉnh điểm a. - Tiếp thu và điều chỉnh điểm b. - Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Quyết định đối với điểm a, điểm b khoản 3 vì mức đưa ra phù hợp với dự thảo Nghị định về chính sách đầu tư. Theo chính sách hiện hành, hỗ trợ cộng đồng vùng đệm khu rừng đặc dụng là 40 triệu đồng/cộng đồng/năm. - Không bổ sung thêm điểm c khoản 2 vì nội dung này đã quy định chung tại Điều 16 về công khai tài chính. - Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo khả năng cân đối của kinh phí thu được với việc chi trả khoán, cũng như không tạo ra mức chênh lệch lớn về kinh phí trong việc khoán bảo vệ rừng.
		Tại điểm a, Khoản 3, Điều 4 và tại ý 3, điểm a, tiêu mục 3.1, mục 3, Phụ lục 01 (<i>trang 15</i>) đề nghị nâng mức khoán tối thiểu bằng 1,5 lần mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước lên mức khoán tối thiểu bằng 2 lần mức hỗ trợ của ngân	Sở NN&PTNT tỉnh Hà Tĩnh, văn bản số 1615/SNN-KL	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo khả năng cân đối của kinh phí thu được với việc chi trả khoán, cũng như không tạo ra mức chênh lệch lớn về kinh phí trong việc khoán bảo vệ rừng.

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		sách nhà nước để góp phần khuyến khích người dân tích cực tham gia công tác bảo vệ rừng.	ngày 22/7/2021	
		Tại Điểm a Khoản 3 Điều 4 và Phụ lục 1 của dự thảo, đối với quy định “Mức khoán tối thiểu bằng 1,5 lần mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng theo đối tượng nhận khoán trên cùng địa bàn cấp tỉnh” đề nghị nghiên cứu điều chỉnh thành “Tùy theo nguồn tài chính được điều phối, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh tham mưu UBND tỉnh xác định mức chi khoán bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh”.	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế văn bản 6753/UBND-NN, ngày 31/7/2021	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo khả năng cân đối của kinh phí thu được với việc chi trả khoán, cũng như không tạo ra mức chênh lệch lớn về kinh phí trong việc khoán bảo vệ rừng.
		<p>Tại khoản 3 về định mức chi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị làm rõ cơ sở, căn cứ tính toán đưa ra các mức như tại dự thảo hiện nay. - Tại điểm c khoản 3 quy định: <i>“Các định mức khác: thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước. Đối với các nội dung chưa được quy định và nội dung chưa có định mức chi, tùy theo tình hình thực tế Bộ Nông nghiệp và PTNT quyết định trên cơ sở ý kiến đồng thuận của Bộ Tài chính”</i>. <p>Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ là căn cứ quan trọng để thực hiện ERPA, do đó cần quy định chi tiết các nội dung hướng dẫn, bao gồm các định mức chi trả. Đề nghị quy định rõ các định mức này. Đối với các nội dung</p>	Bộ Tài chính, văn bản số 9735/BTC-PC ngày 25/8/2021	<p>Bộ Nông nghiệp và PTNT giải trình như sau:</p> <p>Mức chi tại dự thảo là nhằm khuyến khích người dân tích cực tham gia vào hoạt động thí điểm và phù hợp với các mức chi trong dự thảo Nghị định về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp Bộ Nông nghiệp và PTNT đang trình Chính phủ. Việc sử dụng nguồn là nguồn thu về DVMTR, xác định định mức chi dựa trên cơ sở các quy định về chính sách chi trả DVMTR và vận dụng các chính sách hiện hành của nhà nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với khoán BVR: Dự thảo quy định mức khoán tối thiểu bằng 1,5 lần mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng, tối đa không lớn hơn 2 lần mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng theo đối tượng nhận khoán trên

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		<p>chưa được quy định và nội dung chưa có định mức chi theo quy định của pháp luật cần báo cáo Thủ tướng Chính phủ, cấp có thẩm quyền quyết định, đề nghị bỏ quy định này.</p>		<p>cùng địa bàn cấp tỉnh. Cơ sở đề xuất: Mức hỗ trợ từ NSNN hiện nay cho khoán bảo vệ rừng từ 300.000 đến 400.000 đồng/ha. Nếu tăng lên 1,5 lần sẽ tương ứng là 450.000 – 600.000 đồng/ha. Tại dự thảo Nghị định về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp, NSNN cấp kinh phí cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư là 500.000 đồng/ha/năm. Mức tối đa là áp dụng theo quy định về chính sách chi trả DVMTR theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.</p> <p>- Đối với hoạt động hỗ trợ phát triển sinh kế: dự thảo Quyết định quy định mức hỗ trợ 50 triệu đồng/cộng đồng/năm, như mức trong dự thảo Nghị định về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp. Mức hỗ trợ cộng đồng vùng đệm theo Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2011 – 2020 là 40 triệu đồng/cộng đồng/năm.</p> <p>- Đối với các định mức khác: Bộ Nông nghiệp và PTNT đề xuất trong dự thảo Quyết định là “thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước. Đối với các nội dung chưa được quy định và nội dung chưa có định mức chi, Bộ Nông nghiệp và PTNT quyết định trên cơ sở ý kiến đồng thuận của Bộ Tài chính”. Lý do: Bộ Nông nghiệp và PTNT đề xuất nguồn thu là nguồn thu DVMTR. Trong trường hợp này, Bộ Nông nghiệp và PTNT xây dựng thành 02</p>

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
				<p>phương án, đề xuất áp dụng theo phương án 1, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định, như sau:</p> <p>Phương án 1 như trong dự thảo quyết định “Các định mức khác: thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước. Đối với các nội dung chưa được quy định và nội dung chưa có định mức chi, Bộ Nông nghiệp và PTNT quyết định trên cơ sở ý kiến đồng thuận của Bộ Tài chính.”</p> <p>Phương án 2: “Các định mức khác: thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước. Đối với các nội dung chưa được quy định và nội dung chưa có định mức chi, Bộ Nông nghiệp và PTNT trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.”</p>
		<p>Tại khoản 4 về thuế và phí</p> <p>Đề nghị thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế giá trị gia tăng đối với nguồn thu từ thỏa thuận chi trả giảm phát thải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và bỏ nội dung “<i>không phải nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập</i>” khỏi khoản 4 Điều 4 dự thảo Quyết định.</p>	<p>Bộ Tài chính, văn bản số 9735/BTC-PC ngày 25/8/2021</p>	<p>Tiếp thu và điều chỉnh lại nội dung khoản 4 Điều 4.</p>
5	Điều 5	<p>Tại Điều 5 dự thảo Quyết định, đề nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cân nhắc việc sử dụng cụm từ “<i>thay mặt Nhà nước Việt Nam</i>” tại khoản 1; - Sửa khoản 2 thành: “2. Ngoài lượng giảm phát thải đã ký kết theo ERPA, trường hợp Ngân hàng Tái thiết và Phát triển quốc tế muốn mua 	<p>Bộ TN&MT, văn bản số 4098/BTNMT-BĐKH ngày 22/7/2021</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu ý kiến và điều chỉnh bỏ cụm từ “<i>thay mặt Nhà nước Việt Nam</i>” tại khoản 1 - Tiếp thu ý kiến và đã điều chỉnh nội dung vào khoản 2, khoản 3.

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		<p><i>thêm, Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính và các Bộ liên quan đề xuất lượng, đơn giá bán bổ sung và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định”;</i></p> <p>- Bổ sung quy định đối với việc chuyển giao lại 95% lượng giảm phát thải ký kết và lượng bổ sung nếu có sau khi hoàn thành ERPA để thực hiện các cam kết trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam.</p>		
		<p>- Tại khoản 2 về trường hợp Ngân hàng Tái thiết và Phát triển quốc tế muốn mua thêm lượng giảm phát thải, trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính, và Bộ Tài nguyên môi trường, đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.</p> <p>- Tại khoản 3 về thời gian chuyển nhượng, đề nghị quy định đảm bảo thời gian chuyển nhượng thực hiện theo Thỏa thuận ERPA (và trường hợp gia hạn, nếu có).</p>	<p>Bộ Tài chính, văn bản số 9735/BTC-PC ngày 25/8/2021</p>	<p>- Tiếp thu và điều chỉnh lại nội dung trong dự thảo quyết định.</p>
		<p>- Khoản 2 Điều 5: Đề nghị bổ sung thêm lựa chọn chuyển nhượng cho đối tác khác ngoài IBRD trường hợp IBRD không muốn mua thêm hoặc chào giá kém cạnh tranh hơn.</p>	<p>Bộ KH&ĐT, văn bản số 5175/BKHĐT-KTĐN ngày - 6/8/2021</p>	<p>- Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì mỗi bên nhận chuyển nhượng có quy định riêng</p>
		<p>Đề nghị điều chỉnh khoản 2 thành: Ngoài lượng</p>	<p>Sở NN&PTNT</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo</p>

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		giảm phát thải đã ký kết theo ERPA, trường hợp Ngân hàng tái thiết và Phát triển quốc tế hoặc đối tác khác muốn mua thêm, ...	Nghệ An văn bản số 2996/SNN-KHTC ngày 18/8/2021	
6	Điều 6	Đề nghị bổ sung nội dung quy định ngân hàng phục vụ là ngân hàng thương mại và do tổ chức, cá nhân được quyền tự lựa chọn.	Bộ KH&ĐT, văn bản số 5175/BKHĐT-KTĐN ngày 6/8/2021	Tiếp thu, điều chỉnh chung thành ngân hàng thương mại.
		Đề nghị điều chỉnh khoản 2 thành: Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh mở tài khoản tiền Việt Nam đồng tại.....	Sở NN&PTNT Nghệ An văn bản số 2996/SNN-KHTC ngày 18/8/2021	Tiếp thu và điều chỉnh
7	Điều 7	<p>- Đề nghị chỉ chi trả cho các hoạt động đóng góp cụ thể, trực tiếp cho việc bảo vệ, phát triển rừng, từ đó tạo ra kết quả giảm phát thải và các hoạt động giao dịch, trao đổi, thỏa thuận với IBRD; quản lý nguồn thu ERPA; đánh giá, kiểm tra, giám sát, thực hiện ERPA...Cụ thể, đề nghị không chi trả cho các hoạt động tại các điểm a, c, d khoản 1.</p> <p>- Điểm b, khoản 1: Đề nghị thay thế bằng “Kiểm soát việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác; các giải</p>	Bộ KH&ĐT, văn bản số 5175/BKHĐT-KTĐN ngày 6/8/2021	<p>- Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì đây là các hoạt động đặc thù của chi trả kết quả giảm phát thải, nội dung này đã được phía IBRD thông nhất trong dự thảo Kế hoạch chia sẻ lợi ích.</p> <p>- Tiếp thu điều chỉnh lại nội dung điểm b nhưng không chuyển sang khoản 2</p>

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		pháp về quản lý bền vững” và chuyển nội dung này sang khoản 2		
		<p>- Tại khoản 1 và khoản 4: Đề nghị rà soát lại căn cứ đưa ra các hoạt động được chi trả và làm rõ các hoạt động này do đối tượng nào thực hiện đồng thời rà soát đảm bảo các nội dung hoạt động cho phù hợp. Một số nội dung tại khoản 1 Điều 7 thuộc trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (không phải nhiệm vụ của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng), ví dụ: hoạt động nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện chính sách.</p> <p>Trường hợp các nội dung chi đã quy định rõ tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP thì không quy định lại tại dự thảo Quyết định, mà đề nghị dẫn chiếu thực hiện theo quy định tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 15/11/2018 (Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao năng lực cho tổ chức, cá nhân thuộc nội dung chi trả tại Khoản 1, 2 Điều 70 Nghị định 156/2018/NĐ-CP; hoạt động giải quyết thắc mắc, khiếu nại, phản hồi thuộc nội dung quản lý kiểm tra, giám sát quy định tại khoản 1, 2 Điều 70 Nghị định 156/2018/NĐ-CP.</p> <p>- Khoản 2 và khoản 3 quy định nội dung về hoạt động đóng góp trực tiếp và hỗ trợ phát triển sinh kế như: bảo vệ rừng, các hoạt động liên quan đến biện pháp lâm sinh, hỗ trợ hoạt</p>	<p>Bộ Tài chính, văn bản số 9735/BTC-PC ngày 25/8/2021</p>	<p>- Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì các hoạt động đưa ra dựa trên sự đồng thuận của IBRD trong dự thảo Kế hoạch chia sẻ lợi ích;</p> <p>- Hoạt động về xây dựng chính sách chỉ là các hoạt động hỗ trợ liên quan đến giảm phát thải, không phải là chính sách chung. Hoạt động này không phải nhiệm vụ của Quỹ, Quỹ chỉ thực hiện quản lý về kinh phí, việc thực hiện theo kế hoạch được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt.</p> <p>- Như đã đề cập tại nội dung giải thích về các phương án, Bộ Nông nghiệp và PTNT đề xuất phương án là quản lý nguồn thu từ ERPA là một loại DVMTR. Với tổng số tiền dự kiến thu được từ chuyển nhượng, sau khi trừ chi phí quản lý, bình quân 1 ha RTN chỉ được chia khoảng 90 nghìn đồng/ha/năm. Các hoạt động hỗ trợ là các hoạt động đóng góp vào việc tạo ra kết quả của dịch vụ là giảm phát thải theo Thỏa thuận ERPA.</p> <p>Để tạo ra kết quả giảm phát thải, bảo vệ môi trường, nhà nước vẫn phải đầu tư các chương trình dự án cũng như các chi phí để bảo vệ và phát triển rừng.</p> <p>- Về kỹ thuật soạn thảo văn bản: tiếp thu chỉnh sửa.</p>

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		động khuyến nông, khuyến lâm, giống cây, giống con, tuyên truyền, tập huấn kỹ thuật... hầu hết là các nội dung chi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hằng năm. Do đó, đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến của Bộ Tài chính tại văn bản số 7568/BTC-PC ngày 12/7/2021 đối với phương án quản lý nguồn thu từ ERPA nộp vào ngân sách nhà nước.		
		- Tại Khoản 1, Điều 7 về hoạt động tăng cường các điều kiện cần thiết để giảm phát thải đề nghị bổ sung thêm điểm “e) Trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng cho chủ rừng”.	Sở NN&PTNT tỉnh Hà Tĩnh, văn bản số 1615/SNN-KL ngày 22/7/2021	Đề nghị không bổ sung các nội dung mới theo dự thảo Kế hoạch chia sẻ lợi ích. Ngoài ra, trong giai đoạn 2021 – 2025 các địa phương vẫn thực hiện các hoạt động đầu tư cho quản lý, bảo vệ rừng.
		<p>Đề nghị điều chỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm c khoản 1 thành: Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng bền vững - Điểm a, b khoản 2 thành: a) Bảo vệ rừng tự nhiên; rừng trồng thuộc quy hoạch đặc dụng, phòng hộ - Bổ sung điểm c) Các hoạt động hỗ trợ đầu tư, nâng cấp, sửa chữa các công trình lâm sinh của chủ rừng. 	Sở NN&PTNT Nghệ An văn bản số 2996/SNN-KHTC ngày 18/8/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu một phần và điều chỉnh vào dự thảo Quyết định - Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, không không bổ sung đối tượng rừng trồng trong giai đoạn thí điểm.
8	Điều 8	- Tại điểm c, khoản 5, Điều 8, đề nghị xem xét, sửa đổi: “ <i>Quy Bảo vệ và phát triển rừng ..., báo</i>	Sở NN&PTNT tỉnh Thanh Hóa,	Tiếp thu và điều chỉnh lại nội dung.

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		<p><i>cáo Sở Nông nghiệp và PTNT trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định</i> thành “<i>Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng ..., trình Sở Nông nghiệp và PTNT quyết định...</i>”. Lý do: Kế hoạch tài chính hằng năm đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 10, dự thảo Quyết định để phù hợp với quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 69, Nghị định số 156/NĐ/2018/NĐ-CP của Chính phủ.</p>	<p>văn bản số 3154/SNN&PTNT-CCKL ngày 22/7/2021</p>	
		<p>Đề nghị điều chỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm a khoản 1 thành: a) Loại rừng được chi trả là rừng tự nhiên; rừng trồng thuộc quy hoạch đặc dụng, phòng hộ tại các tỉnh tham gia thí điểm vùng BTB. - Điểm b khoản 2 thành: b) Diện tích rừng tự nhiên; rừng trồng thuộc quy hoạch đặc dụng, phòng hộ của từng tỉnh (ha) - Điểm b khoản 5 thành: Ci là kinh phí trích tại Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp - Khoản 5: Nên đồng nhất cách gọi đối tượng được chi trả tại các điểm a, b, c là “Bên cung cấp dịch vụ” hoặc “Bên hưởng lợi” - Điểm c khoản 5 thành: Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định (đối với Quỹ 	<p>Sở NN&PTNT Nghệ An, văn bản số 2996/SNN-KHTC ngày 18/8/2021</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị giữ nguyên như dự thảo trong giai đoạn thí điểm chỉ quy định với đối tượng rừng tự nhiên là rừng thuộc sở hữu nhà nước, chiếm diện tích trên 70% diện tích rừng vùng Bắc Trung Bộ, là rừng chủ yếu để tạo ra kết quả giảm phát thải. Rừng trồng thuộc quy hoạch rừng đặc dụng, phòng hộ cũng có thể có là của các tổ chức, cá nhân không thuộc sở hữu nhà nước. Để đảm bảo không phát sinh khiếu kiện của các đối tượng sở hữu loại rừng trồng này, trong giai đoạn thí điểm chưa bao gồm loại rừng này. - Tiếp thu và chỉnh sửa điểm b khoản 5 - Đề nghị giữ nguyên cách gọi như dự thảo để phân tách giữa chủ rừng và bên hưởng lợi khác không phải là chủ rừng - Tiếp thu và điều chỉnh lại điểm c

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).		
9	Điều 9	<p>- Điều 9: Đề nghị có trao đổi, thỏa thuận và thống nhất giữa các đối tượng được hưởng chi trả từ chuyển nhượng kết quả giảm phát thải đối với tỷ lệ chia sẻ lợi ích từ ERPA</p>	<p>Bộ KH&ĐT, văn bản số 5175/BKHĐT-KTĐN ngày - 6/8/2021</p>	<p>Bộ NN&PTNT đã lấy ý kiến của các địa phương tại văn bản số 2757/BNN-TCLN ngày 13/5/2021 và văn bản 4239/BNN-TCLN ngày 07/7/2021</p>
		<p>Do đây là khoản thu phát sinh đột xuất với mục tiêu hướng tới tăng cường nhận thức về ích lợi của việc chăm sóc, bảo vệ rừng, đề nghị phân lớn kinh phí phải được chuyển cho các tổ chức, cá nhân trực tiếp chăm sóc, BVR, giảm tối đa các khoản trích chi phí quản lý ở cấp trung gian.</p> <p>- Dự thảo Quyết định quy định một số mức trích trên tổng số tiền thu được từ ERPA chưa phù hợp với quy định tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 15/11/2018:</p> <p>+ Khoản 1 quy định Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam <u>trích 8% tổng số tiền thu</u> được từ ERPA. Tuy nhiên khoản 1 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP quy định: “<i>Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam được trích kinh phí quản lý được trích <u>tối đa 0,5% tổng số tiền dịch vụ môi trường rừng thực thu trong năm</u>”.</i></p> <p>+ Khoản 2 quy định Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh trích 10% số tiền được điều phối. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 70 Nghị định</p>	<p>Bộ Tài chính, văn bản số 9735/BTC-PC ngày 25/8/2021</p>	<p>- Tiếp thu, điều chỉnh làm rõ như sau:</p> <p>“1. Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam</p> <p>a) Được trích tối đa 0,5% tổng số tiền thu được từ ERPA để chi cho các hoạt động quy định tại điểm a khoản 4 Điều 7 Quyết định này. Nội dung chi thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, khoản 1 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP. Mức trích cụ thể do Bộ Nông nghiệp và PTNT quyết định.</p> <p>b) Được trích tối đa 7,5% tổng số tiền thu được từ ERPA để chi cho các hoạt động quy định tại khoản 1 và điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 4 Điều 7 Quyết định này (một số hoạt động mang tính đặc thù như: đo đạc, báo cáo, kiểm chứng lượng giảm phát thải; hỗ trợ các hoạt động tăng cường các điều kiện cần thiết để giảm phát thải...). Nội dung chi thực hiện theo kế hoạch được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt. Mức trích cụ thể do Bộ Nông nghiệp và PTNT quyết định”</p>

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		<p>156/2018/NĐ-CP quy định: “<i>Kinh phí quản lý được trích tối đa 10% tổng số tiền dịch vụ môi trường rừng thực thu trong năm</i>”.</p> <p>Ngoài ra, số tiền trích quy định tại khoản 1 và khoản 2 nêu trên, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam và Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh sử dụng để chi cho các nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 7 dự thảo Quyết định. Tuy nhiên, các nội dung này đều đã được quy định tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP như ý kiến đã nêu tại điểm II(6) nêu trên. Do đó, Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định mức trích cao hơn quy định tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP là chưa có căn cứ, cơ sở.</p> <p>- Khoản 3 Điều 9 quy định: “<i>Chủ rừng là tổ chức được trích 10% số tiền nhận được từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh để chi trả cho công tác quản lý rừng</i>”. Tuy nhiên, điểm d khoản 3 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP quy định: <u>Chủ rừng là tổ chức</u> không bao gồm doanh nghiệp có khoản bảo vệ rừng cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư được trích 10% tổng số tiền dịch vụ môi trường rừng chi trả cho diện tích rừng khoán bảo vệ nêu trên để chi trả cho công tác quản lý các khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng. Do đó, đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT rà soát, đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành.</p>		<p>Đây là các hoạt động đặc thù như đo đếm kết quả giám phát thải, GSDG, thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn... các hoạt động này chủ yếu tập trung ở cấp TW để kiểm soát cho cả vùng Bắc Trung Bộ.</p> <p>- Tại Quỹ tỉnh điều chỉnh thành “Được trích tối đa 10% tổng số tiền được điều phối...” như quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.</p> <p>- Bỏ quy định về trích dự phòng 2%, điều phối trực tiếp cho các địa phương.</p> <p>- Về tỷ lệ trích và sử dụng kinh phí tại chủ rừng là tổ chức: Theo dự thảo quyết định, tất cả các chủ rừng là tổ chức sau khi được trích kinh phí quản lý 10%, phần còn lại không phải là nguồn thu của chủ rừng, chủ rừng đều phải thực hiện các hoạt động về quản lý rừng có sự tham gia và chi trả cho các hoạt động đóng góp vào kết quả giảm phát thải, là các hoạt động liên quan đến biện pháp lâm sinh. Nội dung chi này khác với chi trả DVMTR, là các hoạt động đặc thù của chi trả giảm phát thải, được phía IBRD/WB đã đồng thuận trong dự thảo Kế hoạch chia sẻ lợi ích trước khi ký ERPA. Mục đích là để ưu tiên chia sẻ lợi ích cho cộng đồng, tăng cường hỗ trợ cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng, tạo công ăn việc làm, cải thiện sinh kế, gián tiếp không gây mất rừng. Tỷ lệ % chi cho hoạt động này tương đương với mức chi đã dự kiến tại dự thảo Kế hoạch chia sẻ lợi ích là tài liệu để ký ERPA. Tiếp thu và điều chỉnh mức trích tối đa 2% cho UBND, mức cụ thể</p>

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		<p>- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT làm rõ căn cứ, cơ sở đề xuất quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 9 dự thảo Quyết định: “Số tiền còn lại 90%, chủ rừng chi trả cho các hoạt động quản lý rừng có sự tham gia, trong đó 85% kinh phí chi trả cho cộng đồng cư dân tham gia thỏa thuận, 5% chi cho UBND cấp xã có cộng đồng dân cư tham gia quản lý rừng”. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 69, điểm d khoản 3 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP số tiền còn lại sau khi trích kinh phí quản lý được chủ rừng chi trả cho bên nhận khoán bảo vệ rừng.</p>		<p>sẽ do chủ rừng thỏa thuận với UBND xã trong Thỏa thuận quản lý rừng có sự tham gia.</p>
		<p>- Đề nghị bổ sung giải trình về căn cứ, nguyên tắc xây dựng và cấp có thẩm quyền phê duyệt định mức, tỷ lệ chi trả nguồn thu từ ERPA cho các đối tượng; sự đồng thuận của các bên liên quan.</p> <p>- Đề nghị tập trung sử dụng nguồn thu từ ERPA cho hoạt động giúp trực tiếp các đối tượng quản lý, BV&PTR, tạo ra kết quả giảm phát thải và cho hoạt động đánh giá, kiểm tra, giám sát, kiểm chứng kết quả thực hiện giảm phát thải.</p> <p>- Đề nghị không sử dụng cho việc duy trì hoạt động, bộ máy của các Quỹ B&PTR và những hoạt động hành chính không liên quan trực tiếp. Trường hợp bắt buộc phải chi trả cho những hoạt động này mới thực hiện được ERPA, đề</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn bản số 3501/BKHĐT-KTĐN ngày 07/6/2021</p>	<p>Tiếp thu, làm rõ như trong nội dung giải trình ý kiến của Bộ Tài chính.</p>

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		nghị có định mức và nguyên tắc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.		
		<p>- Tại điểm a, khoản 3, Điều 9: Đề nghị bổ sung thêm quy định về việc sử dụng tiền đối với diện tích rừng chưa giao khoán hoặc không thể giao khoán.</p> <p>- Tại điểm b, khoản 3, Điều 9: Đề nghị bổ sung quy định về sử dụng tiền đối với diện tích rừng chưa giao khoán hoặc không thể giao khoán của Chủ rừng.</p> <p>- Tại điểm b, Khoản 1, Điều 9, trang 7, dự thảo quy định: Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam trích 2% tổng số tiền thu được từ ERPA Mặt khác, theo Khoản 1, Điều 70, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam không trích lập khoản dự phòng.</p>	Sở NN&PTNT tỉnh Thanh Hóa, văn bản số 3154/SNN&PTNT-CCKL ngày 22/7/2021	<p>Bộ Nông nghiệp và PTNT tiếp thu điều chỉnh một số nội dung và làm rõ thêm như sau:</p> <p>- Về trích lập kinh phí dự phòng: Tiếp thu và đã bỏ trích dự phòng và sẽ chuyển phần kinh phí này cho địa phương, chủ rừng.</p> <p>- Về sử dụng kinh phí tại chủ rừng là tổ chức: điểm khác biệt chính trong việc thực hiện thỏa thuận so với chính sách chi trả DVMTR là:</p> <p>+ Theo chính sách về chi trả DVMTR, chủ rừng là tổ chức: chủ rừng là doanh nghiệp toàn bộ số tiền dịch vụ môi trường rừng nhận được là nguồn thu của doanh nghiệp, được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về tài chính đối với doanh nghiệp; Chủ rừng là tổ chức (trừ doanh nghiệp) có thể khoán hoặc không khoán BVR và kinh phí được quy định theo từng hoạt động khoán hoặc không khoán.</p>
		<p>- Tại Khoản 3, Điều 9, đề nghị phân thành 02 đối tượng gồm: Chủ rừng có khoán bảo vệ rừng cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư và Chủ rừng không khoán bảo vệ rừng hoặc khoán một phần diện. Đồng thời, chia thành 02 điểm như sau:</p> <p>a) Chủ rừng có khoán bảo vệ rừng cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư: Chủ rừng được trích 10% số tiền nhận được từ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh để chi cho</p>	Sở NN&PTNT tỉnh Hà Tĩnh, văn bản số 1615/SNN-KL ngày 22/7/2021	<p>+ Theo dự thảo quyết định, tất cả các chủ rừng là tổ chức sau khi được trích kinh phí quản lý 10%, phần còn lại không phải là nguồn thu của chủ rừng, chủ rừng đều phải thực hiện các hoạt động về quản lý rừng có sự tham gia và chi trả cho các hoạt động đóng góp vào kết quả giảm phát thải, là các hoạt động liên quan đến biện pháp lâm sinh.</p> <p>Tiếp thu các ý kiến, nội dung chi tại chủ rừng được</p>

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		<p>công tác quản lý rừng. Nội dung chi quy định tại điểm d khoản 3 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP. Số tiền còn lại 90%, chủ rừng chi trả cho các hoạt động quản lý rừng có sự tham gia...</p> <p>b) Chủ rừng không khoán bảo vệ rừng hoặc khoán một phần diện tích: thực hiện theo Điểm c Khoản 3 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.</p>		<p>điều chỉnh như sau: “b) Số tiền còn lại 90%, chủ rừng ưu tiên chi trả cho các hoạt động quản lý rừng có sự tham gia, trong đó tối đa 2% chi cho Ủy ban nhân dân cấp xã có cộng đồng dân cư tham gia quản lý rừng theo thỏa thuận quản lý rừng có sự tham gia. Phần còn lại được chi trả cho các hoạt động theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quyết định này. Quản lý rừng có sự tham gia theo hướng dẫn tại Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo Quyết định này.”</p>
		<p>Đề nghị điều chỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm a khoản 2 thành: Nội dung chi quản lý và điều phối nguồn thu theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 7 Quyết định này thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, khoản 1 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP. - Điểm b khoản 3 thành: Số tiền còn lại 90%, chủ rừng chi trả cho các hoạt động quản lý rừng có sự tham gia, trong đó 85% kinh phí chi trả cho cộng đồng dân cư tham gia thỏa thuận và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng 	<p>Sở NN&PTNT Nghệ An văn bản số 2996/SNN- KHTC ngày 18/8/2021</p>	
10	Điều 10	<p>- Tại điểm b, khoản 2, Điều 10, đề nghị xem xét, sửa đổi: “<i>Căn cứ số tiền thực nhận từ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh lập kế hoạch ... trình Ủy Ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt</i>” thành “<i>Căn cứ số tiền thực nhận từ Quỹ Bảo vệ</i></p>	<p>Sở NN&PTNT tỉnh Thanh Hóa, văn bản số 3154/SNN&PT NT-CCKL ngày 22/7/2021</p>	<p>Tiếp thu và điều chỉnh lại nội dung quy định.</p>

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		<p>và phát triển rừng Việt Nam, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh lập kế hoạch..., báo cáo Hội đồng đồng quản lý Quỹ thông qua, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định”. Đề phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 68, Nghị định số 156/NĐ/2018/NĐ-CP của Chính phủ.</p>		
		<p>Đề nghị điều chỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm b khoản 2 thành: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh: Căn cứ kèm theo Quyết định này, báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT (đối với Quỹ tỉnh trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT) trình Ủy Ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; - Điểm c khoản 3 thành: c) Chủ rừng là tổ chức Căn cứ kế hoạch tài chính năm được phê duyệt, Chủ rừng là tổ chức thông báo số tiền hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cộng đồng dân cư quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 Quyết định này. - Khoản 2: Nên quy định cụ thể đối với cộng đồng dân cư để có cơ sở giám sát 	<p>Sở NN&PTNT Nghệ An văn bản số 2996/SNN-KHTC ngày 18/8/2021</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu và chỉnh sửa lại điểm b khoản 2 - Tiếp thu và chỉnh sửa lại điểm c khoản 3
11	Điều 11	<ul style="list-style-type: none"> - Tại điểm a, khoản 3, Điều 11, đề nghị xem xét, sửa đổi: “Căn cứ ... Chủ rừng là tổ chức thực hiện thanh toán cho UBND cấp xã, cộng đồng dân cư tham gia thỏa thuận quản lý rừng” thành “Căn cứ ..., Chủ rừng là tổ chức thực 	<p>Sở NN&PTNT tỉnh Thanh Hóa, văn bản số 3154/SNN&PTNT-CCKL ngày</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu và điều chỉnh lại nội dung quy định.

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		<i>hiện thanh toán cho UBND cấp xã, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân nhận khoán và cộng đồng dân cư tham gia thỏa thuận quản lý rừng theo kết quả nghiệm thu bảo vệ rừng và dự toán được phê duyệt” để đảm bảo diện tích rừng được bảo vệ tốt, chất lượng rừng ngày càng được nâng cao.</i>	22/7/2021	
		<p>Đề nghị điều chỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm b khoản 2, khoản 3 thành: Hình thức thanh toán: <p>Đối với hoặc hệ thống Bưu điện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm a khoản 3 thành: “Căn cứ ..., Chủ rừng là tổ chức thực hiện thanh toán cho UBND cấp xã, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân nhận khoán và cộng đồng dân cư tham gia thỏa thuận quản lý rừng theo kết quả nghiệm thu và dự toán được phê duyệt” 	Sở NN&PTNT Nghệ An văn bản số 2996/SNN- KHTC ngày 18/8/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu và điều chỉnh lại điểm b khoản 2, khoản 3 - Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì chỉ có cộng đồng dân cư được tham gia vào cơ chế quản lý rừng có sự tham gia.
12	Điều 12	Tại Điều 12, đề nghị bỏ khoản 4 và bổ sung các biểu mẫu báo cáo tại Phụ lục dự thảo Quyết định.	Bộ TN&MT, văn bản số 4098/BTNMT- BĐKH ngày 22/7/2021	- Đề nghị giữ nguyên như dự thảo là Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn biểu mẫu báo cáo.
		- Khoản 3 Điều 12: Đề nghị bổ sung thêm định kỳ báo cáo 03 tháng đối với Chủ rừng	Bộ KH&ĐT, văn bản số 5175/BKHĐT- KTĐN ngày -	Đề nghị giữ nguyên kỳ báo cáo 06 tháng, hằng năm là phù hợp

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
			6/8/2021	
		<p>Đề nghị điều chỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 thành: Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT (đối với Quỹ tỉnh trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT), Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam tình hình thực hiện ERPA tại địa phương 06 tháng, hằng năm. - Khoản 3 thành: Chủ rừng là tổ chức;....., Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh <u>báo cáo</u> tình hình thực hiện ERPA 6 tháng và <u>hằng năm</u> 	Sở NN&PTNT Nghệ An văn bản số 2996/SNN-KHTC ngày 18/8/2021	Tiếp thu và điều chỉnh nội dung tại khoản 2 và khoản 3
13	Điều 13	- Tại khoản 2, Điều 13, quy định việc quyết toán kết thúc giai đoạn thí điểm, đề nghị sửa thành “UBND cấp xã lập báo cáo quyết toán kết thúc giai đoạn thí điểm trước 30/4, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh trước 30/5 và Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam trước 30/6...”. Lý do, có sự tổng hợp số liệu thống nhất từ dưới lên để báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT thẩm định, xét duyệt.	Sở NN&PTNT tỉnh Thanh Hóa, văn bản số 3154/SNN&PTNT-CCKL ngày 22/7/2021	Tiếp thu và điều chỉnh lại nội dung quy định.
		<p>Đề nghị điều chỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 thành: UBND cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng ... nộp UBND huyện thẩm định, xét duyệt. . Sau khi được thẩm định, xét duyệt nộp Quỹ Bảo vệ và Phát 	Sở NN&PTNT Nghệ An văn bản số 2996/SNN-KHTC ngày 18/8/2021	Tiếp thu và bổ sung vào nội dung khoản 1, khoản 2.

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		triển rùng cấp tỉnh 01 bản kết quả thẩm định, xét duyệt để tổng hợp		
14	Điều 14	Tại khoản 1, dự thảo Quyết định quy định về nguyên tắc kiểm toán, Cục TCDN đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “Nguyên tắc kiểm toán: kiểm toán toàn bộ hoạt động thu chi của Quỹ, đặc biệt là nguồn thu từ ERPA tại Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng các cấp;...”	Bộ Tài chính, văn bản số 9735/BTC-PC ngày 25/8/2021	Tiếp thu và điều chỉnh lại nội dung khoản 1 Điều 14, riêng việc kiểm toán toàn bộ hoạt động thu chi của Quỹ thực hiện theo quy định tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP. Quy định kiểm toán trong dự thảo quyết định là áp dụng đối với ERPA.
15	Điều 15	Không có ý kiến		
16	Điều 16	Đề nghị điều chỉnh: Khoản 2 thành: Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh và chủ rừng là tổ chức công khai danh sách đối tượng hưởng lợi tại cơ sở bằng các hình thức: niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, website của đơn vị.	Sở NN&PTNT Nghệ An văn bản số 2996/SNN-KHTC ngày 18/8/2021	Tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung
17	Điều 17	Điều 17, đề nghị sửa khoản b thành: “ <i>b) Hằng năm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và gửi các Bộ có liên quan về tình hình thực hiện thí điểm ERPA.</i> ” - Đề nghị sử dụng cụm từ “ <i>CO2 tương đương</i> ” thay cho “ <i>CO2e</i> ” trong toàn bộ dự thảo và rà soát các lỗi chính tả.	Bộ TN&MT, văn bản số 4098/BTNMT-BĐKH ngày 22/7/2021	- Tiếp thu và điều chỉnh điểm b. - Về cụm từ CO2 tương đương, tiếp thu và chỉnh sửa cho toàn văn bản.
18	Điều 18	- Tại Khoản 2, Điều 18 đề nghị sửa lại thành: Chỉ đạo Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thí	Sở NN&PTNT tỉnh Hà Tĩnh, văn bản số 1615/SNN-KL	- Tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		điểm.	ngày 22/7/2021	
19	Điều 19	Không có ý kiến		
III	PHỤ LỤC			
		<p>- Tại mục 1.4, Phụ lục 1: Đề nghị xem xét, làm rõ khái niệm: “<i>Cộng đồng dân cư tham gia hoạt động quản lý rừng</i>” với khái niệm: “<i>Cộng đồng dân cư được Nhà nước giao rừng</i>” được quy định tại Điều 9, Luật Lâm nghiệp.</p> <p>- Dự thảo Quyết định thí điểm có phạm vi thực hiện gồm 6 tỉnh tham gia thực hiện thí điểm: <i>Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế</i>. Tuy nhiên nơi nhận ghi là “<i>UBND các tỉnh, thành phố: Quảng Ninh, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam</i>”, đề nghị sửa lại nội dung này.</p>	Sở NN&PTNT tỉnh Thanh Hóa, văn bản số 3154/SNN&PT NT-CCKL ngày 22/7/2021	Tiếp thu và chỉnh sửa lại nội dung.
		Tại mục 3, Phụ lục 1, đối với quy định về hạn mức khoán, đề nghị nghiên cứu điều chỉnh thành “Đối với khoán công việc, dịch vụ hạn mức khoán do bên khoán và bên nhận khoán thỏa thuận” (Áp dụng quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ Quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban Quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty TNHH 1 Thành viên	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế văn bản số 6753/UBND-NN, ngày 31/7/2021	Đề nghị giữ như nguyên dự thảo, việc khoán BVR thực hiện theo Nghị định số 168/2016/NĐ-CP, riêng thời gian khoán là hằng năm do phụ thuộc vào nguồn thu từ ERPA.

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		nông, lâm nghiệp Nhà nước).		
		<p>Đề nghị điều chỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục 2 Phụ lục 1: Chủ rừng là tổ chức phối hợp với UBND cấp xã xác định danh sách cộng đồng dân cư thuộc đối tượng được hưởng kinh phí hỗ trợ khi tham gia ACM, báo cáo (gửi) <u>Quỹ tỉnh tổng hợp</u>, trình UBND cấp tỉnh phê duyệt, làm cơ sở lập dự toán kinh phí hỗ trợ phát triển cộng đồng hằng năm. - Điểm a, khoản 3.1, mục 3, Phụ lục 1: Đơn giá khoán: Tùy thuộc vào lượng phát thải chuyển nhượng, diện tích rừng và nguồn tài chính thu được từ ERPA để tính toán đơn giá nhưng tối đa không lớn hơn 2 lần mức hỗ trợ trung bình của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng trên cùng địa bàn cấp tỉnh. - Mẫu số 02/PL01: 01 bản gửi Chủ rừng là tổ chức (tên chủ rừng) - Mẫu số 04/PL01: Thêm “Căn cứ Thông báo kinh phí của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh” - Mẫu số 03/PL03 – Kế hoạch TC năm của BVPTTR cấp tỉnh: <p>IV. CHI TIẾT KẾ HOẠCH CHI KINH PHÍ TRÍCH TẠI QUỸ</p> <p>Tại Mục 1. Chi bộ hoạt động quản lý, điều phối</p>	<p>Sở NN&PTNT Nghệ An văn bản số 2996/SNN-KHTC ngày 18/8/2021</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu điều chỉnh lại Mục 2 Phụ lục 1. - Đề nghị giữ nguyên như điểm a khoản 3.1 mục 3 Phụ lục 1 - Tiếp thu sửa nội dung Mẫu số 02; Mẫu số 04

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		Thành: '- Bỏ chữ “bộ” - Đồng thời, thêm tiêu Mục là “Chi các nội dung theo quy định tại Điểm a, b, c, Khoản 2, Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP - Phụ lục: 'Bổ sung Mẫu hướng dẫn cam kết BVR của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn”		- Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Quyết định.
A	DỰ THẢO TỜ TRÌNH			
1		- Gạch đầu dòng thứ nhất, Mục I.2 (Cơ sở thực tiễn): Đề nghị kiểm tra, rà soát sự phù hợp hoặc bổ sung căn cứ cho nhận định “cách tiếp cận thứ hai (cơ chế thương mại các-bon) được cho phù hợp với các nước chưa có thị trường các-bon hoặc khó tiếp cận với thị trường các-bon”. - Mục V.1.a (Xác định chủ sở hữu kết quả giảm phát thải). Trong bối cảnh quy định pháp luật và thị trường trao đổi chứng chỉ phát thải ở Việt Nam mới ở giai đoạn chuẩn bị ban đầu và chưa hoàn thiện, đề nghị Bộ NN&PTNT rà soát, kiểm tra và giải trình với căn cứ pháp lý chặt chẽ, khách quan về sự phù hợp của đề xuất Nhà nước là đại diện chủ sở hữu kết quả GPT và giao cho Bộ NN&PTNT quản lý để chuyển nhượng, ủy thác sang IBRD mà không cần từng chủ rừng ủy thác cho Bộ NN&PTNT do:	Bộ KH&ĐT, văn bản số 5175/BKHĐT-KTĐN ngày 6/8/2021	- Đề nghị giữ nguyên vì nội dung này tham khảo Báo cáo tổng hợp của Tổ chức Quốc tế. - Tiếp thu và rà soát lại. Do vùng Bắc Trung Bộ có trên 70.000 chủ rừng được giao quản lý rừng tự nhiên, nên việc làm các thủ tục ủy quyền của tất cả các chủ rừng là thiếu thực tiễn. Do vậy, trong giai đoạn thí điểm, Bộ NN&PTNT đề xuất Thủ tướng Chính phủ giao Bộ NN&PTNT đại diện Nhà nước quản lý lượng giảm phát thải để chuyển nhượng cho IBRD là phù hợp.

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		<p>+ Cần tách bạch rõ giữa quyền sở hữu toàn dân do Nhà nước là đại diện đối với một số tài nguyên (đất đai, nước, khoáng sản...) với quyền sở hữu những lợi ích thu được từ khai thác, sử dụng những tài nguyên này của cá nhân, tổ chức được Nhà nước giao.</p> <p>+ Về cơ bản, kết quả GPT chủ yếu đạt được do hoạt động trồng, bảo vệ rừng. Vì vậy, cá nhân, tổ chức đầu tư, thực hiện hoạt động trồng, bảo vệ rừng được Nhà nước giao theo đúng quy định pháp luật có quyền sở hữu và chuyển nhượng kết quả GPT. Điều này cũng tương tự trường hợp người nông dân có quyền sở hữu, sử dụng và chuyển nhượng hoa lợi thu được trên đất nông nghiệp được giao.</p> <p>- Mục V.2 (Quản lý tài chính ERPA)</p> <p>+ Đề nghị xác định tỷ lệ phân chia nguồn thu từ ERPA cho các đối tượng có liên quan căn cứ tỷ lệ đóng góp cụ thể trong việc tạo ra kết quả giảm phát thải; trao đổi, đàm phán, thỏa thuận với IBRD; quản lý nguồn thu ERPA; đánh giá, kiểm tra, giám sát, thực hiện ERPA...</p> <p>+ Tỷ lệ phân chia này cần được trao đổi, thỏa thuận, thống nhất giữa các đối tượng có liên quan.</p>		<p>- Tỷ lệ phân chia nguồn thu từ ERPA đã cơ bản dựa theo tỷ lệ phân chia tiền DVMTR được quy định tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP và hài hòa với một số hoạt động quy định tại dự thảo Kế hoạch chia sẻ lợi ích kèm theo ERPA. Các đối tượng có liên quan chủ yếu tại địa phương, Bộ NN&PTNT đã lấy ý kiến thông qua 2 văn bản 2757/BNN-TCLN ngày 13/5/2021 và 4239/BNN-TCLN ngày 07/7/2021</p>
2		<p>- Tại mục 1: Cơ sở pháp lý của dự thảo Tờ trình đề nghị bổ sung “Nghị định 156/2018/NĐ-CP</p>	<p>Sở NN&PTNT tỉnh Thanh Hóa,</p>	<p>- Tại mục 1: đã tiếp thu và bổ sung nội dung.</p>

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		<p>ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp”.</p> <p>- Tại tiết b, mục 2, chương IV, trang 6 dự thảo quy định về việc xác định và sử dụng tiền: Đối với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh, đề nghị bổ sung, sửa đổi như sau: “<i>Quỹ tỉnh được trích 10% để chi cho các hoạt động quản lý và hoạt động hỗ trợ xây dựng chính sách, số còn lại chuyên trả cho các chủ rừng, Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng</i>” để đảm bảo thống nhất với điểm b, Khoản 2, Điều 9 dự thảo Quyết định và điểm đ, Khoản 2, Điều 70, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ. 2</p> <p>- Tại tiết a, mục 2, phần V, trang 9 dự thảo quy định về nội dung các nhóm hoạt động: Đề nghị bổ sung nội dung “<i>tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ và phát triển bền vững rừng tự nhiên</i>” đối với Nhóm hoạt động 1 - Các hoạt động xây dựng, cải tiến khung chính sách, pháp lý, để đảm bảo thống nhất với nội dung tại 3 nhóm hoạt động trong dự thảo Quyết định.</p>	<p>văn bản số 3154/SNN&PT NT-CCKL ngày 22/7/2021</p>	<p>- Tiếp thu điều chỉnh thành Quỹ tỉnh được trích tối đa 10% như tỷ lệ về chi trả DVMTR.</p> <p>- Tiếp thu và đã bổ sung nội dung.</p>
C	DỰ THẢO BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG			
		<p>3. Về nội dung dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của ERPA: Về việc xác định đối tượng hưởng lợi (Mục 1, phần II, trang 3 dự thảo), đề nghị quy định đầy đủ, cụ thể các đối tượng</p>	<p>Sở NN&PTNT tỉnh Thanh Hóa, văn bản số 3154/SNN&PT</p>	<p>Đã cập nhật lại báo cáo đánh giá tác động</p>

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		hưởng lợi của ERPA, đảm bảo thống nhất với Khoản 2, Điều 2 dự thảo Quyết định và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.	NT-CCKL ngày 22/7/2021	
D		GÓP Ý CỦA ĐƠN VỊ THUỘC BỘ NN&PTNT		
1		<ul style="list-style-type: none"> - Tại Điều 7: đề nghị điều chỉnh mã Điều 7 các hoạt động được chi trả thành các nội dung được chi trả. Nên tách ra các hoạt động tại Quỹ. Sửa khoản 4 hoạt động quản lý thành chi phí quản lý - Tại Điều 8: khoản 4 đề nghị điều chỉnh kế hoạch tài chính trung hạn thành kế hoạch tài chính tổng thể trong thời gian thực hiện thí điểm. - Tại Điều 9: điểm b khoản 1, không thống nhất với nội dung trích 2% kinh phí dự phòng vì không thành lập Ban Quản lý nên khi chưa nhận được tiền của WB cũng không ảnh hưởng đến các hoạt động. - Tại Điều 10: khoản 1 điều chỉnh từ 2021-2025. - Tại Điều 11: khoản 2, cần làm rõ về chứng từ; khoản 3 làm rõ trách nhiệm của Quỹ tỉnh, là đến chủ rừng hay không? - Tại Điều 13: không nên khác quy định tại Luật Ngân sách Nhà nước; làm rõ có cần kiểm toán độc lập hay không? - Tại Điều 15: Vai trò của Ban Kiểm soát? 	Vụ Tài chính, văn bản số 320 ngày 05/7/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu và điều chỉnh - Tiếp thu, điều chỉnh lại thành kế hoạch tài chính tổng thể trong thời gian thực hiện thí điểm. - Tiếp thu và bỏ nội dung trích kinh phí dự phòng. - Tại Điều 10: đã điều chỉnh thành Kế hoạch tài chính tổng thể. - Tại Điều 11, 13: tiếp thu. Riêng kiểm toán là kiểm toán độc lập. - Tại Điều 15: Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định hiện hành.

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		<ul style="list-style-type: none"> - Tại Điều 18: cần bổ sung nội dung chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về nguồn vốn của Chương trình. - Đề nghị cân nhắc, nghiên cứu kỹ ý kiến của Bộ Tài chính 		<ul style="list-style-type: none"> - Tại Điều 18: đã bổ sung nội dung về trách nhiệm của tỉnh là Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện ERPA tại địa phương; ban hành kế hoạch triển khai ERPA tại địa phương. - Có phân tích đánh giá về 2 phương án do Bộ Tài chính đưa ra như nêu ở trên.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN